TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2022/HSPT
Ngày 23 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đinh Thị Kiều Lương
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang
Bà Lê Thị Ký

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Đỗ Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 215/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXPT-HS ngày 08/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/HSPT-QĐ ngày 20/4/2022.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Đỗ Thanh T (tên gọi khác: Chuột), sinh năm 1996. Tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới Th: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1975 và bà Chu Thị L, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có hai anh em bị cáo là con thứ nhất trong. Có vợ tên Nguyễn Thị Bé Nh, sinh năm 2001 và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời

hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Ngày 22/8/2018 được miễn chấp hành phần thời gian còn lại theo Quyết định số 241/QĐ-TA).

Bị cáo tại ngoại (*có mặt tại phiên toà).*

Trong vụ án còn có bị cáo khác và bị hại, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lục Long Đ và Đỗ Thanh T là bạn bè và đều cư ngụ tại ấp 1, xã T, huyện L. Vào tối ngày 29/4/2021, Đ đến nhà của T chơi, đến 01 giờ sáng ngày 30/4/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 60G1-032.81 chở Đ về nhà. Trên đường đi, Đ phát hiện có dãy phòng trọ gần đường mở đèn sáng nên Đ rủ T trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Đ nói T dừng xe mô tô cách 20m để cảnh giới, còn Đ đi vào thấy phòng trọ của anh Phan Tiến V không khóa cửa, không có người, trong phòng có dựng 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 72E1-708.86. Đ vào phòng dắt xe mô tô của anh V ra chỗ T đang chờ. Do xe của anh V không có chìa khóa nên Đ ngồi trên xe mô tô của anh V để T điều khiển xe mô tô của T đẩy về nhà T cất giấu. Đến 07 giờ cùng ngày, có bạn của T và Đ tên là Hai Thoại (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) đến nhà T chơi. Tại đây, Đạt, T và Hai Thoại mở khóa xe để đem đi tiêu thụ nhưng không mở được. Đến ngày 01/5/2021, Đ và T đến Công an xã T đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô biển số 72E1-708.86 trị giá 23.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 72E1-708.86 đã thu hồi trả lại cho bị hại V;

Đối với 01 xe mô tô biển số 60G1-032.81 do cha của T là Đỗ Thanh T đứng tên chủ sở hữu, ông Tú không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên không thu hồi xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Tiến V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm

Tại bản cáo trạng số 193/CT-VKSLT ngày 30/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Lục Long Đ và Đỗ Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án số 215/2022/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: **Đỗ Thanh T 01 (một) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại trong vụ án.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị cáo Đỗ Thanh T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Thanh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của các bị cáo đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 đơn xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách pháp luật tại địa phương, hiện phải nuôi bà đã già yếu, vợ thất nghiệp chưa có việc làm, con còn nhỏ. Đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Thanh T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng cho mỗi bị cáo là 01 (một) năm tù là phù hợp với, tính chất mức độ và hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Sau khi sự việc xảy ra tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, là lao động chính trong gia đình; là người bị rủ rê, giúp sức, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp 01 đơn cứu xét có xác nhận địa phương thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, trong quá trình tại ngoại bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự hiện phải nuôi con nhỏ và nuôi bà già yếu. Đây là những tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Về nhân thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2016, Th đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này xét về Th chất, mức độ của tội phạm của bị cáo được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/5/2022, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có địa chỉ rõ ràng. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành, đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thanh T. Sửa bản án sơ thẩm số 215/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58, điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Đỗ Thanh T 01 (một) năm tù**, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng, Th từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Bị cáo bị xét xử về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều Lương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA